TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Trần Đức Hòa.
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 324/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đồng Phúc Đ, sinh năm 1968. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn 2, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Phước.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành Th – Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Bàn Thị TH, sinh năm 1975. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn 2, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đồng Phúc Đ trình bày:***

Ông và bà Bàn Thị TH tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2008; đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã BM, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình; bà TH hay tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không còn có thể níu kéo và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với bà TH.

Về con chung: Ông và bà TH có 02 con chung là Đồng Thị Hồng X, sinh ngày 09/01/2009 và Đồng Minh D, sinh ngày 16/10/2011. Ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, do bà TH không có nhà ở riêng. Không có công việc và thu nhập ổn định. Ngoài ra bà TH hay tụ tập với bạn bè ăn nhậu, không lo làm ăn.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với lời trình bày của bà TH về tài sản chung thì ông xác nhận khi bà TH về sống chung thì ông đã có 01 vườn điều diện tích khoảng 02ha tại thôn 7, xã BM, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CNQSD đất) và 01 diện tích đất nền có chiều ngang tiếp giáp đường nông thôn là 10m tại thôn 2, xã BM, trên đất có 01 căn nhà cấp IV nhỏ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2007, đến năm 2014 được cấp đổi lại giấy CNQSD đất. Xác nhận sau khi về sống chung ông với bà TH cùng nhau canh tác quản lý cả 02 thửa đất nêu trên và khoảng năm 2010 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Lương thêm diện tích đất 03m chiều ngang tiếp giáp đường liền kề với thửa đất 10m nêu trên là đúng, giá chuyển nhượng là khoảng 36.000.000đ, đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Trong năm 2021 ông và bà TH chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị Ch diện tích đất 5m chiều ngang trong tổng diện tích đất nêu trên với giá 200.000.000đ, trong đó có 03m chiều ngang của ông L trước đó. Diện tích còn lại là 08m chiều ngang, chiều dài khoảng hơn 100m, trên đất có căn nhà xây năm 2021, nguồn tiền xây nhà là từ chuyển nhượng đất cho bà Chiến và vay mượn thêm của nhiều người khác tổng thể khoảng 600.000.000đ. Trong thời gian sống chung ông và bà TH không thỏa thuận phân chia và quy định tài sản nào là tài sản chung và tài sản riêng; không thu, chi tiêu riêng. Nguồn thu chủ yếu nhất trong gia đình là lấy từ nguồn thu vườn điều 02 ha tại thôn 7, xã BM.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày:*** Căn cứ lời trình bày của các đương sự thể hiện các bên đã mâu thuẫn trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phía nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con nên cần thiết giao cả 02 con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, các vẫn đề khác không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn bà Bàn Thị TH quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:*** Bà thống nhất theo lời trình bày của ông Đ về quan hệ hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn bà bổ sung thêm vợ chồng thường xuyên cãi vã những công việc trong đình, ông Đ có hành vi đánh đập bà và con; có hành vi dùng dao chặt quần áo của bá và các con mỗi khi cãi vã. Từ năm 2019 cho đến nay mâu thuẫn giữa bà và ông Đ trở nên trầm trọng. Trong năm 2022, ông Đ có hành vi đánh con (cháu X) thì bà có trình báo lên Công an xã BM, nhưng sau đó ông Đ năn nỉ bà rút đơn yêu cầu về

nên bà cũng rút đơn không đề nghị Công an xử lý. Đến thời điểm hiện nay bà cũng khẳng định mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên đồng ý thuận tình ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà xác nhận giữa bà và ông Đ có 02 con chung là Đồng Thị Hồng X, sinh năm 2009 và Đồng Minh D, sinh năm 2011. Bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mà sẽ yêu cầu phân chia tài sản chung sau khi ly hôn để đảm bảo quyền lợi con chung.

Về tài sản chung: Khi về sống chung với ông Đ thì ông Đ đã có 01 vườn điều diện tích khoảng 02ha tại thôn 7, xã BM, đất chưa được cấp giấy CNQSD đất và 01 diện tích đất nền có chiều ngang tiếp giáp đường nông thôn là 10m tại thôn 2, xã BM, trên đất có 01 căn nhà cấp IV nhỏ. Sau khi về sống chung tôi với ông Đ cùng nhau canh tác quản lý cả 02 thửa đất nêu trên. Khoảng năm 2010 bà và ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L thêm diện tích đất 03m chiều ngang tiếp giáp đường liền kề với thửa đất 10m nêu trên. Trong năm 2021 ông và ông Đ chuyển nhượng lại cho bà Lê Thị Ch diện tích đất 5m chiều ngang trong tổng diện tích đất nêu trên. Diện tích còn lại là 08m chiều ngang, chiều dài khoảng hơn 100m, trên đất có căn nhà xây năm 2021, nguồn tiền từ chuyển nhượng đất cho bà Chiến. Bà yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nhưng hiện nay chưa làm đơn theo quy định.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình giữa Tòa án nhân dân huyện B với đại diện ban quản lý thôn nơi ông Đ bà TH sinh sống thể hiện:* Vợ chồng ông Đ bà TH sinh sống tại địa phương và xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân không xác định cụ thể.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu ly hôn của ông Đ: Hội đồng xét xử thấy ông Đ và bà TH tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã BM, huyện B cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2000, hiện nay là Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về tình trạng mâu thuẫn: Các bên xác nhận trong thời gian chung sống ra mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi người một tính cách, không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình, nên xảy ra cãi vã và xô xát.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất chấm dứt hôn nhân nhưng không thể thống nhất được với nhau các vấn đề còn lại nên Hội đồng xét xử không có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành mà cần xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự thể hiện có 02 con chung là Đồng Thị Hồng X, sinh ngày 09/01/2009 và Đồng Minh D, sinh ngày 16/10/2011. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung nên xác định có tranh chấp về quyền nuôi con.

Phía bà TH cho rằng ông Đ có hành vi bạo hành gia đình đối với bà và các con chung, bà trình báo chính quyền địa phương nhưng sau đó lại rút yêu cầu. Sau khi ly hôn bà sẽ đưa các con chung về sinh sống tại xã ĐH cùng mẹ và chị ruột, chưa có nhà ở riêng. Phía ông Đ không thừa nhận hành vi bạo hành đối với con mà xác nhận chỉ có một lần cầm chổi đánh nhẹ cháu X. Căn cứ biên bản xác minh của Tòa án với đại diện Công an xã BM thể hiện bà TH có gửi đơn trình báo nhưng sau đó lại rút đơn về ngay nên Công an xã đã trả lại đơn và không xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xác định nguyên đơn ông Đ có hành vi bạo hành đối với các con.

Căn cứ lời khai của các con chung của ông Đ bà TH trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử thể hiện: Cháu D xác định cha mẹ có xảy ra cãi vã, thỉnh thoảng có đánh nhau, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu X đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, không lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa, cháu D giữ nguyên nguyện vọng được ỏ với bà TH; cháu X từ chối cho Tòa án ghi lời khai.

Phía ông Đ cho rằng bà TH không có nhà ở và nguồn thu nhập để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, ông Đ thừa kể từ khi kết hôn nhận hai bên cùng nhau canh tác quản lý, thu hoạch vườn điều khoảng 02ha tại thôn 7, xã BM và có tài sản chung là nhà ở hiện nay cả gia đình đang sử dụng. Không thỏa thuận phân chia tài sản chung và riêng trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa bà TH trình bày dự tính sau khi ly hôn sẽ đưa các con chung về xã ĐH sinh sống, nhưng tại phần tranh luận bà TH thay đổi ý kiến cho rằng để đảm bảo quyền lợi của con chung thì bà sẽ không chuyển về xã ĐH sinh sống mà tiếp tục cùng sinh sống tại nhà ở như hiện nay và làm đơn khởi kiện phân chia tài sản chung, nợ chung theo quy định.

Từ những căn cứ, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Ngoài lời trình bày thì các đương sự không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh thể hiện ai có điều kiện chăm sóc con cái so với bên còn lại nên cần thiết giao cho mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung. Căn cứ nguyện vọng của cháu D và ý kiến bà TH thì cần thiết giao cháu D cho bà TH trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu X cần thiết giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bị đơn có ý kiến tại lời khai yêu cầu Tòa án giải quyết đối với một số tài sản chung. Tuy nhiên, bị đơn không làm đơn yêu cầu cụ thể theo yêu cầu của Tòa án nên không có cơ sở giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp thì có thể khởi kiện giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đồng Phúc Đ đối với bị đơn Bàn Thị TH; ông Đồng Phúc Đ được ly hôn với bà Bàn Thị TH.

2. Về con chung: Giao con chung Đồng Thị Hồng X, sinh ngày 09/01/2009 cho ông Đồng Phúc Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Giao con chung và Đồng Minh D, sinh ngày 16/10/2011 cho bà Bàn Thị TH trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Đồng Phúc Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000731 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã BM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình